

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NƯỚC LẤP MÁY HẢI PHÒNG

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Tháng 3 năm 2024

**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 35

25  
C  
T  
I  
E  
N  
V  
H

## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Điện nước Lắp máy Hải Phòng (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### **Hội đồng Quản trị**

Ông Đỗ Huy Đạt	Chủ tịch
Ông Lê Hữu Cảnh	Ủy viên
Ông Nguyễn Trung Kiên	Ủy viên
Ông Tạ Văn Sơn	Ủy viên
Bà Vũ Thị Lương Dung	Ủy viên
Bà Lại Thị Vinh	Ủy viên

#### **Ban Tổng Giám đốc**

Ông Lê Hữu Cảnh	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Thao	Phó Tổng Giám đốc

#### ***Người đại diện pháp luật***

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Đỗ Huy Đạt - Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

Ông Đỗ Huy Đạt đã ủy quyền cho Ông Lê Hữu Cảnh - Tổng Giám đốc ký báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 theo Giấy Ủy quyền số 08/GUQ- DNC ngày 07 tháng 4 năm 2021.

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)**

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)**

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



---

**Lê Hữu Cảnh**  
**Tổng Giám đốc**  
Hải Phòng, ngày 11 tháng 3 năm 2024

Số: 056 /VACO/BCKiT.NV2

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi:** Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Điện nước Lắp máy Hải Phòng

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Điện nước Lắp máy Hải Phòng (gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 11 tháng 3 năm 2024, từ trang 04 đến trang 35, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày 31 tháng 12 năm 2023 và bản Thuyết minh báo cáo tài chính (gọi chung là "báo cáo tài chính").

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



**Nguyễn Phương Lan**  
Phó Tổng Giám đốc  
Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số: 0917-2023-156-1  
Thay mặt và đại diện cho  
**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO**  
Hà Nội, ngày 11 tháng 3 năm 2024

**Vũ Mạnh Hùng**  
Kiểm toán viên  
Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số: 2737-2023-156-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023


Đơn vị: VND


TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>98.821.192.290</b>	<b>62.006.387.560</b>
<b>I. Tiền</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>16.262.893.402</b>	<b>9.621.441.686</b>
1. Tiền	111		16.262.893.402	9.621.441.686
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>16.013.542.328</b>	<b>21.205.101.951</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121	5	15.483.542.328	24.248.653.686
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	5	-	(3.043.551.735)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6	530.000.000	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>53.909.220.882</b>	<b>18.689.629.514</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	36.604.635.884	10.031.763.290
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	1.366.493.107	3.553.686.603
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	9	100.000.000	100.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	10	15.838.091.891	5.454.319.397
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	11	-	(450.139.776)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>12</b>	<b>10.640.076.054</b>	<b>9.821.541.911</b>
1. Hàng tồn kho	141		10.805.949.013	10.007.634.270
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(165.872.959)	(186.092.359)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>1.995.459.624</b>	<b>2.668.672.498</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	13	1.946.476.702	2.625.967.952
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		36.567.506	36.469.546
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	19	12.415.416	6.235.000
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>74.869.684.909</b>	<b>60.378.721.062</b>
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>54.747.607.928</b>	<b>46.414.274.836</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	14	50.354.306.565	45.639.580.943
- Nguyên giá	222		122.444.784.963	111.124.122.662
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(72.090.478.398)	(65.484.541.719)
2. Tài sản cố định vô hình	227	15	4.393.301.363	774.693.893
- Nguyên giá	228		5.281.629.248	1.095.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(888.327.885)	(320.306.107)
<b>II. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>	<b>16</b>	<b>889.450.913</b>	<b>4.830.129.116</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		889.450.913	4.830.129.116
<b>III. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>17</b>	<b>3.659.275.976</b>	<b>3.695.706.467</b>
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		4.000.000.000	4.000.000.000
2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(340.724.024)	(304.293.533)
<b>IV. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>15.573.350.092</b>	<b>5.438.610.643</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	13	15.573.350.092	5.438.610.643
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>173.690.877.199</b>	<b>122.385.108.622</b>


**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>60.245.963.714</b>	<b>27.346.133.111</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>60.087.427.613</b>	<b>27.346.133.111</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	18	30.807.382.831	6.207.325.474
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		899.218.950	164.068.428
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	19	4.162.534.885	1.366.566.814
4. Phải trả người lao động	314		810.272.131	669.244.333
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	20	10.537.239.334	2.729.723.674
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	97.195.752
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	21	3.105.689.641	3.163.944.844
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	22	8.565.306.014	11.850.000.000
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.199.783.827	1.098.063.792
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>158.536.101</b>	<b>-</b>
1. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		158.536.101	-
<b>D - VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>113.444.913.485</b>	<b>95.038.975.511</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>23</b>	<b>113.444.913.485</b>	<b>95.038.975.511</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		64.222.580.000	64.222.580.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		64.222.580.000	64.222.580.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		(50.000.000)	(50.000.000)
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		557.368.590	557.368.590
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		713.858.604	713.858.604
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		48.001.106.291	29.595.168.317
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		17.120.472.848	400.752.756
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		30.880.633.443	29.194.415.561
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>173.690.877.199</b>	<b>122.385.108.622</b>

  
Nguyễn Thị Lý  
Người lập biểu  
Hải Phòng, ngày 11 tháng 3 năm 2024

  
Mai Thị Thanh Hà  
Kế toán trưởng

  
Lê Hữu Cảnh  
Tổng Giám đốc



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		802.482.861.535	658.676.029.032
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01)	10	25	802.482.861.535	658.676.029.032
3. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	26	734.609.525.271	601.355.946.982
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		67.873.336.264	57.320.082.050
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	27	195.660.787	1.310.720.055
6. Chi phí tài chính	22	28	(2.255.829.123)	3.857.992.810
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		751.292.121	795.814.783
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	30	20.314.992.366	17.961.733.802
8. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - 26}	30		50.009.833.808	36.811.075.493
9. Thu nhập khác	31		402.008.216	1.948.722
10. Chi phí khác	32		2.336.227.915	5.195.101
11. Lỗ từ hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		(1.934.219.699)	(3.246.379)
12. Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		48.075.614.109	36.807.829.114
13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	31	10.523.277.474	7.613.413.553
14. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		158.536.101	-
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		37.393.800.534	29.194.415.561
16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	32	5.808	4.103

Nguyễn Thị Lý  
Người lập biểu  
Hải Phòng, ngày 11 tháng 3 năm 2024

Mai Thị Thanh Hà  
Kế toán trưởng



Lê Hữu Cảnh  
Tổng Giám đốc



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	48.075.614.109	36.807.829.114
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	7.173.958.457	5.987.164.294
- Các khoản dự phòng	03	(3.027.340.644)	3.248.270.386
- Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(195.660.787)	(1.310.720.055)
- Chi phí lãi vay	06	751.292.121	795.814.783
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	52.777.863.256	45.528.358.522
- Tăng/(giảm) các khoản phải thu	09	(34.340.566.031)	(3.503.922.109)
- Tăng/(giảm) hàng tồn kho	10	(798.314.743)	(671.314.088)
- Tăng/(giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	32.711.501.362	91.946.266
- Tăng/(giảm) chi phí trả trước	12	(9.455.248.199)	(4.911.391.342)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13	8.765.111.358	(24.248.653.686)
- Tiền lãi vay đã trả	14	(765.544.944)	(792.116.152)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(7.798.808.249)	(8.821.128.351)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(2.735.853.839)	(5.212.623.431)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	38.360.139.971	(2.540.844.371)
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(11.942.321.450)	(16.201.884.145)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(530.000.000)	(47.500.000.000)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	62.500.000.000
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	94.059.556	1.972.774.850
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(12.378.261.894)	770.890.705
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ đi vay	33	66.886.477.360	60.150.000.000
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(70.171.171.346)	(60.720.000.000)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(16.055.732.375)	(14.129.033.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(19.340.426.361)	(14.699.033.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	6.641.451.716	(16.468.986.666)
Tiền đầu năm	60	9.621.441.686	26.090.428.352
Tiền cuối năm (70 = 50 + 60)	70	16.262.893.402	9.621.441.686

Nguyễn Thị Lý  
Người lập biểu  
Hải Phòng, ngày 11 tháng 3 năm 2024

Mai Thị Thanh Hà  
Kế toán trưởng



Lê Hữu Cảnh  
Tổng Giám đốc

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

### **1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

#### **Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Điện nước Lắp máy Hải Phòng là doanh nghiệp được chuyển đổi hình thức sở hữu vốn theo Quyết định số 1390/QĐ-UB ngày 01 tháng 7 năm 2005 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hải Phòng. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0203001815 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 21 tháng 10 năm 2005, sửa đổi lần thứ 15 số 0200155561 được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp ngày 20 tháng 8 năm 2022.

Vốn điều lệ theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh lần thứ 15 ngày 20 tháng 8 năm 2022 của Công ty là 64.222.580.000 VND.

Tổng số nhân viên Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 156 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 147 người).

#### **Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là kinh doanh thương mại, dịch vụ và xây dựng.

Hoạt động chính của Công ty trong năm là:

- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện. Chi tiết: Truyền tải và phân phối điện;
- Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Sản xuất kết cấu thép các khung tiền chế, kết cấu phi tiêu chuẩn;
- Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác;
- Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại;
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp. Chi tiết: Lắp đặt máy các công trình dân dụng và công nghiệp;
- Xây dựng nhà các loại;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Xây dựng công trình công ích. Chi tiết: Xây dựng công trình viễn thông, thủy lợi, đê kè, cầu cống; Phá dỡ;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;
- Hoàn thiện công trình xây dựng khác. Chi tiết: Xây dựng công trình cấp nước, thoát nước và xử lý nước; Xây dựng đường dây tải điện, trạm biến thế 220KV, cầu tàu, bến cảng, cầu cống;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh bất động sản;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Xây dựng cơ sở hạ tầng khu đô thị và công nghiệp, công trình cầu tàu, bến cảng;
- Khai thác, xử lý và cung cấp nước. Chi tiết: Phân phối nước sạch.

#### **Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

#### **Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính**

Không có hoạt động đặc biệt nào của Công ty trong năm có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính.

#### **Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính**

Số liệu so sánh trên báo cáo tài chính là số liệu báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2022.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (TIẾP THEO)**

**Cấu trúc doanh nghiệp**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, danh sách các chi nhánh hạch toán phụ thuộc và công ty liên kết của Công ty như sau:

<b>STT</b>	<b>Tên</b>	<b>Địa chỉ</b>	<b>Ngành nghề chính</b>
<b>I Chi nhánh phụ thuộc</b>			
1	Công ty Cổ phần Điện nước Lắp máy Hải Phòng - CN Hạ Long	Ki ốt C238, Phường Bãi Cháy, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh	Truyền tải và phân phối điện Phân phối nước sạch
2	Công ty Cổ phần Điện nước Lắp máy Hải Phòng - CN Ecopark Hải Dương	Tầng 3, Tòa nhà Minh Anh Plaza, Số 76-80 Trần Hưng Đạo, Phường Trần Hưng Đạo, Thành phố Hải Dương, Tỉnh Hải Dương	Truyền tải và phân phối điện
3	Công ty Cổ phần Điện nước Lắp máy Hải Phòng - CN Ecopark Hưng Yên	Tầng 1, Tòa nhà A3, Khu đô thị Thương mại Du lịch Văn Giang, Xã Xuân Quan, Huyện Văn Giang, Tỉnh Hưng Yên	Truyền tải và phân phối điện
4	Công ty Cổ phần Điện nước Lắp máy Hải Phòng - CN Phú Quốc (i)	S336, Khu đô thị An Thới Gate Way, khu phố 6, Phường An Thới, Thành phố Phú Quốc, Tỉnh Kiên Giang	Truyền tải và phân phối điện
<b>II Công ty liên kết</b>			
1	Công ty Cổ phần Điện nước Hạ Long (ii)	Ki-ốt C238, Khu phố cổ Sunworld, Đường Hạ Long, Phường Bãi Cháy, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh	Truyền tải và phân phối điện Khai thác, xử lý và cung cấp nước

**Ghi chú**

(i) Công ty Cổ phần Điện nước Lắp máy Hải Phòng - CN Phú Quốc được thành lập theo Quyết định số 10/QĐ-HDQT ngày 01 tháng 11 năm 2023 và được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh lần đầu ngày 23 tháng 11 năm 2023 với mã số Chi nhánh là 0200155561-004.

(ii) Chi tiết tại Thuyết minh số 17.

**2. NĂM TÀI CHÍNH, CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

**Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán**

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

### **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

### **3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

#### **Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

#### **Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

#### **Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý**

Theo quy định tại Điều 28 - Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý. Tuy nhiên, đến thời điểm phát hành báo cáo này, chưa có văn bản hướng dẫn trong việc áp dụng đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý; Theo đó, Ban Tổng Giám đốc đã xem xét và áp dụng như sau:

- a) Công cụ tài chính được ghi nhận và đánh giá lại theo giá trị hợp lý trên cơ sở giá gốc trừ đi các khoản dự phòng cần trích lập (nếu có) theo quy định hiện hành;
- b) Đối với tài sản và nợ phải trả (ngoài mục a trên đây), do quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể, do đó, Công ty đang ghi nhận theo giá gốc.

#### **Công cụ tài chính**

##### **Ghi nhận ban đầu**

*Tài sản tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu về cho vay, phải thu khác, các khoản đầu tư tài chính.

*Công nợ tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản vay.

##### **Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu**

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

##### **Tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và các khoản tiền gửi không kỳ hạn.

##### **Các khoản đầu tư tài chính**

##### **Chứng khoán kinh doanh**

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận bắt đầu từ ngày Công ty có quyền sở hữu và được xác định giá trị ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

#### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

##### **Các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)**

##### *Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

##### *Các khoản cho vay*

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

##### *Đầu tư vào công ty liên kết*

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty liên kết theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty liên kết được trích lập khi công ty liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty liên kết.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

##### **Hợp đồng hợp tác kinh doanh**

Các hợp đồng hợp tác kinh doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.

Các khoản thu nhập từ hợp đồng hợp tác kinh doanh được ghi nhận khi chắc chắn khoản lợi ích kinh tế có được từ các giao dịch này được chuyển tới hoặc chuyển ra khỏi Công ty và các khoản lợi ích kinh tế này có thể được xác định một cách đáng tin cậy.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****Nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập dựa trên việc đánh giá về khả năng thu hồi được của những khoản nợ phải thu này.

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá xuất của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

	Năm 2023 (Số năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	04 - 25
Máy móc, thiết bị	05 - 12
Phương tiện vận tải	06 - 08
Thiết bị quản lý	03

**Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình bao gồm quyền sử dụng đất và phần mềm máy tính được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Trong đó: Quyền sử dụng đất được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất (Công ty không thực hiện trích khấu hao do quyền sử dụng đất là lâu dài), và phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng năm năm.

**Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

### **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

#### **3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**

##### **Các khoản trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm công cụ, dụng cụ xuất dùng, chi phí bảo hiểm, chi phí sửa chữa, chi phí dự án 34 Thiên Lôì và các chi phí khác. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá ba năm. Riêng với công tơ điện từ đo xa, Công ty thực hiện phân bổ với thời gian là 6 năm theo chu kỳ kiểm định của công tơ đo xa.

##### **Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả**

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

##### **Chi phí đi vay**

Tất cả chi phí đi vay đều được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh.

##### **Vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu: Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần: Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

##### **Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**

**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**

**Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

*Danh sách các bên liên quan có giao dịch và số dư chủ yếu trong năm:*

<b>Bên liên quan</b>	<b>Mối quan hệ</b>
Công ty Cổ phần Điện nước Hạ Long	Công ty liên kết
Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm toán nội bộ, Kế toán trưởng và Hội đồng Quản trị Công ty	Lãnh đạo chủ chốt

**4. TIỀN**

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
	VND	VND
Tiền mặt	484.757.029	327.442.195
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	15.778.136.373	9.293.999.491
<b>Cộng</b>	<b>16.262.893.402</b>	<b>9.621.441.686</b>

**5. CHỨNG KHOÁN KINH DOANH**

	<b>Số cuối năm</b>			<b>Số đầu năm</b>		
	<b>Giá trị</b>	<b>Giá trị hợp lý</b>	<b>Dự phòng</b>	<b>Giá trị</b>	<b>Giá trị hợp lý</b>	<b>Dự phòng</b>
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>a) Cổ phiếu</b>	<b>15.483.542.328</b>	<b>16.161.634.400</b>	<b>-</b>	<b>15.483.542.328</b>	<b>12.439.990.593</b>	<b>3.043.551.735</b>
Ngân hàng TMCP	5.596.857.253	6.050.318.900	-	5.596.857.253	5.596.857.253	-
Công thương Việt Nam - Mã CP: CTG						
Tổng Công ty CP Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam - Mã CP: VCG	9.886.685.075	10.111.315.500	-	9.886.685.075	6.843.133.340	3.043.551.735
<b>b) Trái phiếu</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>8.765.111.358</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
Công ty Cổ phần Bất động sản HANO - VID	-	-	-	5.843.407.572	-	-
Công ty Cổ phần Thương mại - Quảng cáo - Xây dựng - Địa ốc Việt Hán	-	-	-	2.921.703.786	-	-
<b>Cộng</b>	<b>15.483.542.328</b>	<b>16.161.634.400</b>	<b>-</b>	<b>24.248.653.686</b>	<b>12.439.990.593</b>	<b>3.043.551.735</b>

**6. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN**

Phản ánh các khoản tiền gửi tại các ngân hàng TMCP có kỳ hạn 12 tháng với lãi suất từ 4,8%/năm đến 5,08%/năm.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**7. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
	VND	VND
Xí nghiệp Điện Nông thôn	24.427.456.483	5.509.709.051
Chi nhánh Điện Ecopark Hưng Yên	7.185.165.002	2.144.127.659
Công ty CP Đầu tư và PT Đô thị Việt Hưng	373.194.565	708.873.125
Các đối tượng khác	4.618.819.834	1.669.053.455
<b>Cộng</b>	<b>36.604.635.884</b>	<b>10.031.763.290</b>

**8. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
	VND	VND
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng VTTTC	504.000.000	-
Công ty TNHH IC Việt Nam	183.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Quốc tế Bách Việt	-	2.231.888.821
Công ty Cổ phần Dịch vụ Quản trị doanh nghiệp	-	427.620.000
Công ty TNHH Vận tải TM Thành Tiến	-	314.200.000
Các đối tượng khác	679.493.107	579.977.782
<b>Cộng</b>	<b>1.366.493.107</b>	<b>3.553.686.603</b>

**9. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN**

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
	VND	VND
Ông Trần Ngọc Hải (i)	100.000.000	100.000.000
<b>Cộng</b>	<b>100.000.000</b>	<b>100.000.000</b>

Ghi chú:

- (i) Phải thu về cho vay ngắn hạn theo đề nghị vay ngày 31 tháng 8 năm 2020, số tiền vay 100.000.000 VND, lãi suất vay 7%/năm, khoản cho vay này đã thu hồi trong tháng 01 năm 2024.

**10. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

	<b>Số cuối năm</b>		<b>Số đầu năm</b>	
	<b>Giá trị</b>	<b>Dự phòng</b>	<b>Giá trị</b>	<b>Dự phòng</b>
	VND	VND	VND	VND
Doanh thu tiền điện, nước tạm tính (i)	9.945.619.537	-	-	-
Tạm ứng	5.260.089.766	-	4.860.973.323	-
Khoản ký quỹ, ký cược	200.000.000	-	201.704.750	-
Phải thu khác	432.382.588	-	391.641.324	143.541.776
<i>Lãi cho vay phải thu</i>	<i>197.026.520</i>	-	<i>340.568.296</i>	<i>143.541.776</i>
<i>Phải thu khác</i>	<i>235.356.068</i>	-	<i>51.073.028</i>	-
<b>Cộng</b>	<b>15.838.091.891</b>	<b>-</b>	<b>5.454.319.397</b>	<b>143.541.776</b>

Ghi chú

- (i) Phải thu khác tương ứng doanh thu tiền điện, nước tạm tính kể từ ngày chốt công tơ kỳ cuối đến ngày 31 tháng 12 năm 2023.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**11. DỰ PHÒNG PHẢI THU NGẮN HẠN KHÓ ĐÒI**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Ông Trần Ngọc Hải - Tiền lãi vay	-	-	143.541.776	-
Ông Trần Ngọc Hải - Công trình Tam Đa	-	-	306.598.000	-
<b>Cộng</b>	-	-	<b>450.139.776</b>	-

**12. HÀNG TỒN KHO**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	5.883.967.341	(165.872.959)	6.563.386.056	(186.092.359)
Công cụ dụng cụ	130.366.341	-	144.347.193	-
Chi phí SXKD dở dang	4.791.615.331	-	3.299.901.021	-
<b>Cộng</b>	<b>10.805.949.013</b>	<b>(165.872.959)</b>	<b>10.007.634.270</b>	<b>(186.092.359)</b>

Ghi chú:

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang là các công trình xây dựng đang thực hiện, số dư cuối năm chủ yếu bao gồm công trình đường bao phía Đông Nam Quận Hải An.

Trong năm, Công ty đã hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho với số tiền là 20.219.400 VND. Nguyên nhân do Công ty đã thanh lý được một số nguyên vật liệu tồn kho lâu ngày.

**13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>1.946.476.702</b>	<b>2.625.967.952</b>
Công cụ dụng cụ xuất dùng	620.783.946	626.314.964
Chi phí bảo hiểm	40.266.072	45.750.664
Chi phí sửa chữa	47.561.965	171.847.922
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	1.237.864.719	1.782.054.402
<b>Dài hạn</b>	<b>15.573.350.092</b>	<b>5.438.610.643</b>
Chi phí sửa chữa lưới điện, hệ thống nước	-	43.636.361
Công cụ dụng cụ xuất dùng (i)	13.825.140.727	5.259.695.033
Chi phí dự án 34 Thiên Lôi (ii)	1.093.347.052	-
Chi phí trả trước dài hạn khác	654.862.313	135.279.249
<b>Cộng</b>	<b>17.519.826.794</b>	<b>8.064.578.595</b>

Ghi chú:

(i) Công cụ dụng cụ xuất dùng chủ yếu là giá trị công tơ điện tử đo xa.

(ii) Phản ánh các chi phí cải tạo, sửa chữa một số hạng mục khu Văn phòng Công ty tại 34 Thiên Lôi.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**14. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Số đầu năm	15.036.660.588	88.299.775.826	7.617.433.998	170.252.250	111.124.122.662
Phân loại lại tài sản	680.000.000	-	-	-	680.000.000
Mua trong năm	-	-	645.452.000	-	645.452.000
Đầu tư XDCB hoàn thành	-	11.355.210.301	-	-	11.355.210.301
<b>Số cuối năm</b>	<b>14.356.660.588</b>	<b>99.654.986.127</b>	<b>8.262.885.998</b>	<b>170.252.250</b>	<b>122.444.784.963</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
Số đầu năm	4.344.565.635	57.486.638.218	3.483.085.616	170.252.250	65.484.541.719
Phân loại lại tài sản	272.000.001	-	-	-	272.000.001
Khấu hao trong năm	896.439.775	5.256.511.229	724.985.676	-	6.877.936.680
<b>Số cuối năm</b>	<b>4.969.005.409</b>	<b>62.743.149.447</b>	<b>4.208.071.292</b>	<b>170.252.250</b>	<b>72.090.478.398</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Số đầu năm	10.692.094.953	30.813.137.608	4.134.348.382	-	45.639.580.943
Số cuối năm	9.387.655.179	36.911.836.680	4.054.814.706	-	50.354.306.565

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 22, Công ty đã thế chấp tài sản cố định hữu hình với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 4.929.820.082 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 5.678.849.258 VND) để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng.

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 41.890.567.936 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 41.123.239.853 VND).

**15. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
	VND	VND	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
Số đầu năm	-	1.095.000.000	1.095.000.000
Phân loại lại tài sản	680.000.000	-	680.000.000
Mua trong năm	3.406.629.248	100.000.000	3.506.629.248
<b>Số cuối năm</b>	<b>4.086.629.248</b>	<b>1.195.000.000</b>	<b>5.281.629.248</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>			
Số đầu năm	-	320.306.107	320.306.107
Phân loại lại tài sản	272.000.001	-	272.000.001
Khấu hao trong năm	68.000.001	228.021.776	296.021.777
<b>Số cuối năm</b>	<b>340.000.002</b>	<b>548.327.883</b>	<b>888.327.885</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
Số đầu năm	-	774.693.893	774.693.893
Số cuối năm	3.746.629.246	646.672.117	4.393.301.363

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 22, Công ty đã thế chấp tài sản cố định vô hình với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 340.000.002 VND để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**16. TÀI SẢN DỒ DANG DÀI HẠN**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Công trình điện An Đồng	24.464.697	659.638.461
Công trình điện tại 3 xã An Dương	19.989.461	333.734.769
Công trình điện tại Vĩnh Bảo	137.518.000	2.008.933.981
Công trình điện tại 3 xã Thủy Nguyên	707.478.755	330.645.835
Công trình dự án 34 Thiên Lôi	-	1.457.796.070
Hệ thống công tơ điện tử định kỳ	-	39.380.000
<b>Cộng</b>	<b><u>889.450.913</u></b>	<b><u>4.830.129.116</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NƯỚC LẮP MÁY HẢI PHÒNG**

Số 34 đường Thiên Lôi, phường Phương Xá, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng

**MẪU SỐ B 09-DN**Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***17. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Giá trị hợp lý VND
- Đầu tư vào công ty liên kết	4.000.000.000	340.724.024	4.000.000.000	304.293.533
Công ty Cổ phần Điện nước Hạ Long	4.000.000.000	340.724.024 (*)	4.000.000.000	304.293.533 (*)
<b>Cộng</b>	<b>4.000.000.000</b>	<b>340.724.024</b>	<b>4.000.000.000</b>	<b>304.293.533</b>

Công ty Cổ phần Điện nước Hạ Long được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu số 5702012647 ngày 18 tháng 9 năm 2019 và sửa đổi lần thứ 01 ngày 06 tháng 01 năm 2021 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Ninh với vốn điều lệ 10.000.000.000 VND. Công ty Cổ phần Điện nước Lắp máy Hải Phòng đăng ký góp 4.000.000.000 VND (chiếm 40% vốn điều lệ). Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty đã góp đủ số vốn đăng ký nói trên.

Công ty Cổ phần Điện nước Hạ Long có địa chỉ đăng ký tại Ki-ốt C238, Khu phố cổ Sunworld, Đường Hạ Long, Phường Bãi Cháy, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh.

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty Cổ phần Điện nước Hạ Long là: Truyền tải và phân phối điện, và Khai thác, xử lý và cung cấp nước.

Trong năm 2023, Công ty đang hoạt động kinh doanh bình thường với các dịch vụ cung cấp điện, nước. Tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2023, Công ty có khoản lỗ lũy kế là: 851.816.061 VND.

Ghi chú:

(\*) Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính do các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

11/11/2023 2/01/

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**18. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
CN Công ty TNHH MTV DL Hải Phòng - DL An Dương	7.386.021.307	7.386.021.307	-	-
CN Công ty TNHH MTV DL Hải Phòng - DL Vĩnh Bảo	3.113.050.664	3.113.050.664	-	-
Công ty Điện lực Hưng Yên - TCT Điện lực miền Bắc	11.229.873.038	11.229.873.038	1.296.158.153	1.296.158.153
Công ty Cổ phần ĐT và Tư vấn Xây lắp Hải Sơn	1.850.000.000	1.850.000.000	1.850.000.000	1.850.000.000
Các đối tượng khác	7.228.437.822	7.228.437.822	3.061.167.321	3.061.167.321
<b>Cộng</b>	<b>30.807.382.831</b>	<b>30.807.382.831</b>	<b>6.207.325.474</b>	<b>6.207.325.474</b>

**19. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Số đầu năm	Số phải nộp/ thu trong năm	Số đã thực nộp/ thu trong năm	Số cuối năm
	VND	VND	VND	VND
<b>Phải nộp</b>				
Thuế giá trị gia tăng	84.627.130	8.175.709.215	8.095.709.638	164.626.707
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.161.844.893	10.523.277.474	7.798.808.249	3.886.314.118
Thuế thu nhập cá nhân	120.094.791	2.306.742.814	2.315.243.545	111.594.060
Tiền thuế đất	-	490.271.900	490.271.900	-
<b>Cộng</b>	<b>1.366.566.814</b>	<b>21.496.001.403</b>	<b>18.700.033.332</b>	<b>4.162.534.885</b>
<b>Phải thu</b>				
Thuế giá trị gia tăng	-	-	12.415.416	12.415.416
Các loại thuế khác	6.235.000	34.011.100	27.776.100	-
<b>Cộng</b>	<b>6.235.000</b>	<b>34.011.100</b>	<b>40.191.516</b>	<b>12.415.416</b>

**20. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Trích trước tiền lương tháng 13, thù lao Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm toán nội bộ	2.838.534.317	2.316.852.513
Trích trước tiền điện, tiền nước đầu nguồn	7.106.345.280	-
Các khoản khác	592.359.737	412.871.161
<b>Cộng</b>	<b>10.537.239.334</b>	<b>2.729.723.674</b>

**21. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Ký quỹ bảo lãnh hợp đồng công trình cấp điện, nước, thiết bị dự án đường bao Đông Nam Quận Hải An	1.887.698.148	1.887.698.148
Các khoản phải trả khác	1.217.991.493	1.276.246.696
<b>Cộng</b>	<b>3.105.689.641</b>	<b>3.163.944.844</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**22. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH**

	Số cuối năm		Trong năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giảm	Tăng	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<i>Vay ngắn hạn</i>						
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	5.010.868.770	5.010.868.770	46.098.327.820	41.109.196.590	10.000.000.000	10.000.000.000
- Chi nhánh Hải Phòng (i)						
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	1.053.752.137	1.053.752.137	11.295.567.955	12.349.320.092	-	-
- Chi nhánh Hải Phòng (ii)						
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	1.000.685.107	1.000.685.107	12.227.275.571	13.227.960.678	-	-
- Chi nhánh Hồng Bàng (iii)						
Bà Nguyễn Thị Lý (iv)	200.000.000	200.000.000	150.000.000	200.000.000	150.000.000	150.000.000
Công ty CP Điện nước Hạ Long (v)	1.300.000.000	1.300.000.000	400.000.000	-	1.700.000.000	1.700.000.000
<b>Cộng</b>	<b>8.565.306.014</b>	<b>8.565.306.014</b>	<b>70.171.171.346</b>	<b>66.886.477.360</b>	<b>11.850.000.000</b>	<b>11.850.000.000</b>

Ghi chú:

- (i) Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2023/202969/HĐTD ký ngày 28 tháng 7 năm 2023 với hạn mức tín dụng thường xuyên là 10 tỷ VND, thời hạn cấp hạn mức 12 tháng kể từ ngày ký Hợp đồng. Lãi suất vay, thời hạn vay được quy định cụ thể theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể. Khoản vay không có tài sản đảm bảo.
- (ii) Khoản vay theo Hợp đồng cấp tín dụng số 01.2023/HĐCD/VCB-DNC.HP ký ngày 16 tháng 6 năm 2023 với hạn mức tín dụng là 10 tỷ VND. Thời hạn vay 12 tháng. Thời hạn cho vay cho mỗi khoản vay không quá 2 tháng. Lãi suất cho vay được xác định tại thời điểm giải ngân vốn cho vay theo thông báo lãi suất cho vay của ngân hàng trong từng thời kỳ và được ghi trên Giấy nhận nợ.

Biện pháp bảo đảm:

- + ) Thế chấp xe ô tô Toyota Land Cruise Prado biến số 15A-565.75 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 098695 do Công an Thành phố Hải Phòng cấp ngày 17 tháng 01 năm 2020 (xem Thuyết minh số 14).
- + ) Thế chấp căn hộ chung cư số 706 thuộc Tòa A1, Khu căn hộ Rừng Cọ, Khu đô thị Thương mại và Du lịch Văn Giang tại xã Xuân Quan, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất số DD 448738 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hưng Yên cấp ngày 02 tháng 12 năm 2021 (xem Thuyết minh số 14).
- + ) Cầm cố/ Thế chấp Sổ tiết kiệm/ tiền gửi của cá nhân là thành viên góp vốn Công ty sở hữu trực tiếp từ 5% vốn điều lệ Công ty trở lên (bằng tiền VND và/hoặc ngoại tệ): quy đổi tối thiểu 10 triệu đồng.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**22. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Ghi chú (Tiếp theo):

- (iii) Khoản vay theo Hợp đồng cho vay hạn mức số 01/2023-HĐCVHM/NHCT166-DNC ngày 21 tháng 4 năm 2023 với hạn mức cho vay ngắn hạn là 20 tỷ VND. Thời hạn duy trì hạn mức từ ngày 21 tháng 4 năm 2023 đến hết ngày 06 tháng 01 năm 2024. Thời gian và lãi suất cho vay sẽ được xác định trên Giấy nhận nợ theo từng khoản vay. Biện pháp đảm bảo gồm thẻ chấp xe ô tô con nhãn hiệu Mercedes biển số 15A-989.46 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe số 15 051285 cấp ngày 08 tháng 6 năm 2022 và thẻ chấp thừa đất có diện tích 100 m<sup>2</sup> tại thôn Vĩnh Khê, xã An Đông, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 728098 (xem các Thuyết minh số 14 và 15).
- (iv) Khoản vay theo Hợp đồng vay vốn số 01-2023/HĐVV ngày 01 tháng 4 năm 2023. Số tiền vay: 200.000.000 VND, thời hạn 1 năm. Theo hình thức cho vay và trả nợ 1 lần. Lãi suất phải trả tiền vay là 7,5%/năm (được tính là 360 ngày). Lãi vay trả theo quý. Không có tài sản đảm bảo.
- (v) Khoản vay theo Hợp đồng vay tiền số 01-HĐVVT ngày 15 tháng 01 năm 2020, Phụ lục hợp đồng số 01-2021/PLHĐVV ngày 02 tháng 01 năm 2021, Phụ lục số 01-2022/PLHĐVV ngày 02 tháng 01 năm 2022 và Phụ lục số 01-2023/PLHĐVT ngày 02 tháng 01 năm 2023. Thời hạn vay 1 năm. Lãi suất 5,5%/năm. Tiền lãi vay trả hàng quý. Khoản vay không có tài sản đảm bảo.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NƯỚC LẤP MÁY HẢI PHÒNG**Số 34 đường Thiên Lôi, phường Phương Xá,  
quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng**MẪU SỐ B 09-DN**Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***23. VỐN CHỦ SỞ HỮU****a) Thay đổi trong vốn chủ sở hữu**

	VND	VND	VND	VND	VND	VND
	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	LNST chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	51.378.500.000	(50.000.000)	713.858.604	557.368.590	30.879.329.818	83.479.057.012
Lãi trong năm	-	-	-	-	29.194.415.561	29.194.415.561
Tăng vốn trong năm	12.844.080.000	-	-	-	(12.844.080.000)	-
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	(1.200.718.667)	(1.200.718.667)
Chia cổ tức năm 2021	-	-	-	-	(7.706.775.000)	(7.706.775.000)
Tạm ứng cổ tức đợt 1, năm 2022	-	-	-	-	(6.422.258.000)	(6.422.258.000)
Phân chia lợi nhuận liên danh	-	-	-	-	(2.304.745.395)	(2.304.745.395)
<b>Số dư đầu năm nay</b>	<b>64.222.580.000</b>	<b>(50.000.000)</b>	<b>713.858.604</b>	<b>557.368.590</b>	<b>29.595.168.317</b>	<b>95.038.975.511</b>
Lãi trong năm	-	-	-	-	37.393.800.534	37.393.800.534
Trích lập các quỹ (i)	-	-	-	-	(1.387.010.235)	(1.387.010.235)
Chia cổ tức năm 2022 (i)	-	-	-	-	(9.633.474.375)	(9.633.474.375)
Tạm ứng cổ tức đợt 1, năm 2023 (i)	-	-	-	-	(6.422.258.000)	(6.422.258.000)
Phân chia lợi nhuận liên danh (i)	-	-	-	-	(1.545.119.950)	(1.545.119.950)
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>64.222.580.000</b>	<b>(50.000.000)</b>	<b>713.858.604</b>	<b>557.368.590</b>	<b>48.001.106.291</b>	<b>113.444.913.485</b>

**Ghi chú:**

(i) Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 01 tháng 4 năm 2023 thông qua phương án phân phối lợi nhuận, phân chia cổ tức năm 2022 cụ thể như sau:

- Chia cổ tức từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2022 với tỷ lệ là 25%/vốn điều lệ (đã tạm ứng đợt I trong năm 2022 với tỷ lệ 10%), giá trị là 9.633.474.375 VND;

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**23. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP THEO)**

**a) Thay đổi trong vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)**

Ghi chú (Tiếp theo):

- Chia lợi nhuận cho các bên tham gia liên danh và hợp đồng hợp tác kinh doanh, bao gồm:

<u>Công ty</u>	<u>Giá trị (VND)</u>
Công ty Cổ phần Tập đoàn Ecopark	1.269.880.000
Công ty Cổ phần và Đầu tư Thương mại VP	131.024.636
Công ty Cổ phần Xây dựng Thủy lợi Hải Phòng	53.306.223
<b>Cộng</b>	<b><u><u>1.454.210.859</u></u></b>

Đồng thời, trong năm 2023, Công ty đã phân chia lợi nhuận cho Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Thương mại với số tiền 90.909.091 VND, số tiền này là cố định hàng năm và không phụ thuộc vào kết quả kinh doanh của Công ty.

- Quỹ khen thưởng phúc lợi: Trích 5% phần lợi nhuận sau thuế năm 2022 còn lại, sau khi phân chia lợi nhuận cho các bên liên danh là 1.387.010.235 VND.
- Tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2023 bằng tiền, tỷ lệ 10% vốn điều lệ theo Nghị quyết số 03/NQ-HĐQT ngày 01 tháng 8 năm 2023, giá trị là: 6.422.258.000 VND.

Trong năm, số cổ tức đã thực tế chi trả cho chủ sở hữu là: 16.055.732.375 VND.

**b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Tỷ lệ</u>	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tỷ lệ</u>
	<u>VND</u>	<u>%</u>	<u>VND</u>	<u>%</u>
Lê Hữu Cảnh	7.968.430.000	12,41%	7.968.430.000	12,41%
Lại Thị Đình	4.436.080.000	6,91%	4.436.080.000	6,91%
Nguyễn Trung Kiên	15.969.180.000	24,87%	15.969.180.000	24,87%
Đỗ Huy Đạt	15.948.160.000	24,83%	15.948.160.000	24,83%
Công ty TNHH Hà Nam Xanh	4.117.030.000	6,41%	4.117.030.000	6,41%
Các đối tượng khác	15.783.700.000	24,58%	15.783.700.000	24,58%
<b>Cộng</b>	<b><u><u>64.222.580.000</u></u></b>	<b><u><u>100%</u></u></b>	<b><u><u>64.222.580.000</u></u></b>	<b><u><u>100%</u></u></b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**23. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP THEO)**

<i>c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận</i>	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	64.222.580.000	51.378.500.000
- Vốn góp tăng trong năm	-	12.844.080.000
- Vốn góp giảm trong năm	-	-
- Vốn góp cuối năm	64.222.580.000	64.222.580.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	16.055.732.375	14.129.033.000
<i>d) Cổ phiếu</i>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	-	-
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	6.422.258	6.422.258
- Cổ phiếu phổ thông	6.422.258	6.422.258
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	6.422.258	6.422.258
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 01/NQ-HĐQT ngày 29 tháng 01 năm 2024, ngày 11 tháng 3 năm 2024 là ngày chốt danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông năm 2024 và ngày chốt danh sách cổ đông hưởng quyền nhận cổ tức đợt 2 năm 2023. Tạm ứng cổ tức đợt 2 năm 2023 với tỷ lệ 15% trên vốn điều lệ, bằng tiền. Thời gian thanh toán dự kiến ngày 28 tháng 3 năm 2024.

**24. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
<b>Đối tượng nợ khó đòi đã xử lý</b>		
Ban QL Xã Tam Đa - CT đường ống nước xã Tam Đa (Hải)	306.598.000	-
Hải-Tu (Thu lãi vay Công trình - Bệnh viện Việt Tiệp 2)	143.541.776	-
<b>Cộng</b>	<b>450.139.776</b>	<b>-</b>

**25. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>802.482.861.535</b>	<b>658.676.029.032</b>
Doanh thu bán điện	781.771.422.033	640.767.704.922
Doanh thu bán nước	17.502.684.500	14.741.749.325
Doanh thu khác	3.208.755.002	3.166.574.785
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>802.482.861.535</b>	<b>658.676.029.032</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**26. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Giá vốn của dịch vụ bán điện	723.126.217.218	589.216.427.935
Giá vốn của dịch vụ bán nước	10.214.579.582	10.599.795.355
Giá vốn của dịch vụ khác	1.268.728.471	1.353.631.333
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	186.092.359
<b>Cộng</b>	<b><u>734.609.525.271</u></b>	<b><u>601.355.946.982</u></b>

**27. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Lãi tiền gửi, cho vay	195.660.787	1.310.720.055
<b>Cộng</b>	<b><u>195.660.787</u></b>	<b><u>1.310.720.055</u></b>

**28. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Chi phí lãi vay	751.292.121	795.814.783
(Hoàn nhập)/Trích lập dự phòng đầu tư tài chính	(3.007.121.244)	3.062.178.027
<b>Cộng</b>	<b><u>(2.255.829.123)</u></b>	<b><u>3.857.992.810</u></b>

**29. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ	16.601.637.172	14.947.935.084
Chi phí nhân công	31.062.022.726	27.025.581.059
Chi phí khấu hao tài sản cố định	7.173.958.457	5.987.164.294
Chi phí dịch vụ mua ngoài	16.222.241.729	12.790.045.460
Chi phí khác bằng tiền	11.252.082.120	10.560.879.406
<b>Cộng</b>	<b><u>82.311.942.204</u></b>	<b><u>71.311.605.303</u></b>

**30. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Chi phí nhân viên	9.226.760.825	7.990.999.244
Chi phí khấu hao TSCĐ	831.794.100	692.302.987
Thuế, phí và lệ phí	562.128.246	737.971.926
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.040.387.377	3.438.000.085
Các khoản chi phí QLDN khác	5.653.921.818	5.102.459.560
<b>Cộng</b>	<b><u>20.314.992.366</u></b>	<b><u>17.961.733.802</u></b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**31. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	48.075.614.109	36.807.829.114
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	4.110.966.267	1.259.238.658
<b>Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ</b>	<b>4.110.966.267</b>	<b>1.259.238.658</b>
- Thù lao HĐQT không trực tiếp điều hành	812.000.000	655.500.000
- Chi phí không hợp lý, hợp lệ	3.298.966.267	603.738.658
<b>Thu nhập chịu thuế</b>	<b>52.186.580.376</b>	<b>38.067.067.772</b>
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>10.437.316.075</b>	<b>7.613.413.553</b>
Truy thu thuế thu nhập doanh nghiệp (i)	85.961.399	-
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm</b>	<b>10.523.277.474</b>	<b>7.613.413.553</b>

Ghi chú:

- (i) Truy thu thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2021, 2022 theo Quyết định số 2974/QĐ-CTHHP ngày 20 tháng 7 năm 2023 của Cục Thuế thành phố Hải Phòng.

Công ty đang tạm xác định chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp dựa trên chênh lệch giữa thu nhập tính thuế và lợi nhuận kế toán là 4.110.966.267 VND. Việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

**32. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	Năm nay	Năm trước
	VND	(Trình bày lại) VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	37.393.800.534	29.194.415.561
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(90.909.091)	(2.841.221.285)
- Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	(1.387.010.235)
- Chia lãi liên danh	(90.909.091)	(1.454.211.050)
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	37.302.891.443	26.353.194.276
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	6.422.258	6.422.258
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (i)	5.808	4.103
Mệnh giá trên mỗi cổ phiếu	10.000	10.000

Công ty chưa có phương án cụ thể cho việc phân phối lợi nhuận năm 2023, việc trích lập các quỹ sẽ thực hiện theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong năm 2024.

Ghi chú:

- (i) Chỉ tiêu lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm trước được trình bày lại sau khi điều chỉnh số trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi và lãi liên danh theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2023/NQ-DHĐCD ngày 01 tháng 4 năm 2023 (lãi cơ bản trên cổ phiếu đã trình bày trên Báo cáo năm 2022 là 4.546 VND/cổ phiếu).

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

#### 33. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

##### Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của chủ sở hữu thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay trừ đi tiền) và phần vốn của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

##### Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Các khoản vay	8.565.306.014	11.850.000.000
Trừ: Tiền	(16.262.893.402)	(9.621.441.686)
Nợ thuần	(7.697.587.388)	2.228.558.314
Vốn chủ sở hữu	113.444.913.485	95.038.975.511
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	<b>0,0%</b>	<b>2,3%</b>

##### Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 3.

##### Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền	16.262.893.402	9.621.441.686
Phải thu về cho vay	100.000.000	100.000.000
Phải thu khách hàng và phải thu khác	52.442.727.775	15.035.942.911
Chứng khoán kinh doanh	15.483.542.328	21.205.101.951
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	530.000.000	-
Đầu tư tài chính dài hạn	3.659.275.976	3.695.706.467
<b>Tổng cộng</b>	<b>88.478.439.481</b>	<b>49.658.193.015</b>
<b>Công nợ tài chính</b>		
Phải trả người bán và phải trả khác	33.913.072.472	9.371.270.318
Chi phí phải trả	10.537.239.334	2.729.723.674
Vay và nợ thuê tài chính	8.565.306.014	11.850.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>53.015.617.820</b>	<b>23.950.993.992</b>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**33. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

***Rủi ro thị trường***

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường hoạt động giao dịch các công cụ tài chính này.

***Quản lý rủi ro về giá hàng hóa***

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

***Rủi ro tín dụng***

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

***Quản lý rủi ro thanh khoản***

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đảo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**33. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)*

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Trên 5 năm	Tổng VND
<b>Số cuối năm</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	16.262.893.402	-	-	16.262.893.402
Phải thu khách hàng và phải thu khác	52.442.727.775	-	-	52.442.727.775
Phải thu về cho vay	100.000.000	-	-	100.000.000
Chứng khoán kinh doanh	15.483.542.328	-	-	15.483.542.328
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	530.000.000	-	-	530.000.000
Đầu tư tài chính dài hạn	-	-	3.659.275.976	3.659.275.976
<b>Tổng cộng</b>	<b>84.819.163.505</b>	<b>-</b>	<b>3.659.275.976</b>	<b>88.478.439.481</b>
<b>Số cuối năm</b>				
Phải trả người bán và phải trả khác	33.913.072.472	-	-	33.913.072.472
Chi phí phải trả	10.537.239.334	-	-	10.537.239.334
Vay và nợ thuê tài chính	8.565.306.014	-	-	8.565.306.014
<b>Tổng cộng</b>	<b>53.015.617.820</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>53.015.617.820</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>31.803.545.685</b>	<b>-</b>	<b>3.659.275.976</b>	<b>35.462.821.661</b>
	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Trên 5 năm	Tổng VND
<b>Số đầu năm</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	9.621.441.686	-	-	9.621.441.686
Phải thu khách hàng và phải thu khác	15.035.942.911	-	-	15.035.942.911
Phải thu về cho vay	100.000.000	-	-	100.000.000
Đầu tư tài chính dài hạn	-	-	3.695.706.467	3.695.706.467
<b>Tổng cộng</b>	<b>24.757.384.597</b>	<b>-</b>	<b>3.695.706.467</b>	<b>28.453.091.064</b>
<b>Số đầu năm</b>				
Phải trả người bán và phải trả khác	9.371.270.318	-	-	9.371.270.318
Chi phí phải trả	2.729.723.674	-	-	2.729.723.674
Vay và nợ thuê tài chính	11.850.000.000	-	-	11.850.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>23.950.993.992</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>23.950.993.992</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>806.390.605</b>	<b>-</b>	<b>3.695.706.467</b>	<b>4.502.097.072</b>

Ban Tổng Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**34. THÔNG TIN KHÁC**

Trong năm, Công ty tham gia vào các hợp đồng liên danh và hợp đồng hợp tác kinh doanh sau:

- Hợp đồng Liên danh Quản lý và Kinh doanh điện tại Khu đô thị Cự Viên, Quận Kiến An, Hải Phòng số 10/2008/ĐN-XDDT ngày 08 tháng 3 năm 2008 với Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại VP hợp tác khai thác và kinh doanh điện năng tại Khu đô thị Cự Viên, quận Kiến An, thành phố Hải Phòng; Tài sản khai thác là Hệ thống đường dây và Trạm biến áp đã được xây dựng xong tại địa điểm trên do Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Đầu tư là Chủ đầu tư; Thời gian hợp tác kể từ khi công trình hoàn thành, bàn giao và đưa vào sử dụng; Nguồn vốn tối thiểu là 200.000.000 VND, trong đó, Công ty góp 60%, Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại VP góp 40%; Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phân chia cho các bên theo tỷ lệ đóng góp; Phương thức thực hiện bằng cách thành lập Ban Quản lý điện, hạch toán báo sổ về Công ty.
- Hợp đồng Liên danh về việc Quản lý và Kinh doanh điện với Công ty Cổ phần Xây dựng Thủy lợi Hải Phòng số 1208/HDLĐ ngày 12 tháng 8 năm 2021 tại Khu dự án “Đầu tư Xây dựng nhà ở trên diện tích hành lang và thân đê đôi ra do kiên cố hóa đê để tạo vốn thực hiện dự án đầu tư thí điểm kiên cố hóa đê, kè bờ hữu sông Lạch Tray” (Đoạn từ Km 34+600 đến Km 35+ 950); Tài sản khai thác là Hệ thống điện hạ thế và tủ điện đã được xây dựng xong tại địa bàn nói trên thuộc địa bàn phường Anh Dũng, quận Dương Kinh, thành phố Hải Phòng do Công ty Cổ phần Xây dựng Thủy lợi Hải Phòng là Chủ đầu tư; Thời gian hợp tác tính theo thời hạn có hiệu lực của Giấy phép hoạt động điện lực do Sở Công Thương Thành phố Hải Phòng cấp thay cho Giấy phép hoạt động điện lực số 151 ngày 14 tháng 9 năm 2011 của Cục Điều tiết Điện lực; Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phân chia cho các bên theo tỷ lệ 50/50; Thành lập Ban Quản lý điện do Công ty trực tiếp điều hành và hạch toán báo sổ về Công ty.
- Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01/2020/HĐHTKD/HLC-HP ngày 30 tháng 3 năm 2019 với Công ty TNHH Mặt trời Hạ Long tại “Dự án Sun Premier Village Hạ Long Bay” và “Dự án Sun Plaza Grand World” có hiệu lực đến hết năm 2023. Theo hợp đồng, Công ty TNHH Mặt trời Hạ Long kinh doanh bằng tài sản của Công ty đã đầu tư tại dự án bao gồm: Hệ thống điện (hệ thống 12 trạm biến áp tổng công suất 20.110 KVA, hệ thống lưới điện trung thế 22KV, hệ thống lưới hạ thế và tủ điện phân phối), hệ thống cung cấp nước sạch; Công ty Cổ phần Điện nước Lắp máy Hải Phòng chịu trách nhiệm quản lý, vận hành tài sản hợp tác và các công việc liên quan. Hai bên sẽ phân chia kết quả kinh doanh sau thuế theo tỷ lệ 65% cho Công ty TNHH Mặt trời Hạ Long và 35% cho Công ty Cổ phần Điện nước Lắp máy Hải Phòng.
- Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 0819/HĐHTKD ngày 16 tháng 8 năm 2019 với Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Thương mại về việc kinh doanh bán điện tại đợt 1 (7,3 ha) thuộc giai đoạn 1 dự án Khu đô thị nội đường Lạch Tray với đường Hồ Sen - Cầu Rào 2 trên địa bàn phường Đông Hải, phường Dư Hàng Kênh thuộc quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng. Thời hạn của hợp đồng từ tháng 8 năm 2019 đến khi Công ty Cổ phần Điện nước Lắp máy Hải Phòng không còn được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép hoạt động điện lực. Công ty phải phân chia lợi nhuận cho đối tác như sau: năm 2019 là 37.500.000 VND, từ năm 2020 là 100.000.000 VND/năm.
- Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 1001/HĐHTKD/ECOPARKHD-HP ngày 10 tháng 01 năm 2020 với Công ty Cổ phần Đầu tư Ecopark Hải Dương tại dự án Khu đô thị sinh thái ven sông Thái Bình (Ecorivers) có hiệu lực đến hết năm 2025. Theo hợp đồng, Công ty Cổ phần Đầu tư Ecopark Hải Dương kinh doanh bằng tài sản của Công ty Cổ phần Đầu tư Ecopark Hải Dương đã đầu tư tại dự án bao gồm: Hệ thống điện (hệ thống 21 trạm biến áp tổng công suất 35.000 KVA, hệ thống lưới điện trung thế 22KV, hệ thống lưới hạ thế và tủ điện phân phối, công tơ đo đếm điện); hệ thống điện chiếu sáng; Công ty Cổ phần Điện nước Lắp máy Hải Phòng chịu trách nhiệm quản lý, vận hành tài sản hợp tác và các công việc liên quan. Hai bên sẽ phân chia kết quả kinh doanh sau thuế theo tỷ lệ 50% cho Công ty Cổ phần Đầu tư Ecopark Hải Dương và 50% cho Công ty Cổ phần Điện nước Lắp máy Hải Phòng. Trong quá trình kinh doanh, trường hợp phát sinh lỗ, Công ty Cổ phần Điện nước Lắp máy Hải Phòng cam kết tự chịu chi phí để bù lỗ và được hạch toán chuyển lỗ năm sau.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**34. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)**

- Hợp đồng hợp tác kinh doanh với Công ty Cổ phần Tập đoàn Ecopark theo Hợp đồng số 201/HĐHTKD/ECOPARK-DNC ngày 28 tháng 10 năm 2020 tại Khu đô thị Thương mại và Du lịch Văn Giang (Ecopark), huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên có hiệu lực 5 năm kể từ ngày ký hợp đồng. Theo hợp đồng, Công ty Cổ phần Đầu tư Ecopark kinh doanh bằng tài sản của Công ty đã đầu tư tại dự án bao gồm: hệ thống trạm biến áp, hệ thống lưới điện trung thế 22KV, hệ thống điện hạ thế và tủ điện phân phối, công tơ đếm điện. Công ty Cổ phần Điện nước Lắp máy Hải Phòng chịu trách nhiệm quản lý, vận hành tài sản hợp tác và các công việc liên quan. Hai bên sẽ phân chia kết quả kinh doanh sau thuế theo tỷ lệ 50% cho Công ty Cổ phần Đầu tư Ecopark và 50% cho Công ty Cổ phần Điện nước Lắp máy Hải Phòng. Trong quá trình kinh doanh, trường hợp phát sinh lỗ, Công ty Cổ phần Điện nước Lắp máy Hải Phòng cam kết tự chịu chi phí để bù lỗ và được hạch toán chuyên lỗ năm sau.
- Hợp đồng hợp tác kinh doanh với Công ty Cổ phần Thương mại Tổng hợp và Xây dựng Việt Trung (Bên A) theo Hợp đồng số 01/2021/HĐHT ngày 15 tháng 3 năm 2021 về việc: Hợp tác quản lý, vận hành, kinh doanh bán điện tại dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật các khu tái định cư Bắc Sông Cấm. Thời gian hợp tác lâu dài và theo từng giai đoạn, giai đoạn I dự kiến 10 năm (từ năm 2021 đến năm 2031). Bên A ủy quyền cho bên B thực hiện các thủ tục đề các thủ tục đề xin cấp phép hoạt động điện lực trên địa bàn Dự án các khu Tái định cư Bắc Sông Cấm, hạch toán doanh thu, chi phí của hoạt động kinh doanh. Lãi/Lỗ do quá trình kinh doanh điện tại Dự án mang lại sẽ được phân chia cho 02 bên với tỷ lệ 50-50.

**35. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty có số dư chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
<b>Công ty Cổ phần Điện nước Hạ Long</b>		
Vay và nợ thuê tài chính	1.300.000.000	1.700.000.000

Trong năm, Công ty có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

***Chuyển nhượng quyền sử dụng đất liên quan đến lãnh đạo chủ chốt***

Trong năm 2023, Công ty đã ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất với ông Lê Hữu Cảnh - Tổng Giám đốc Công ty về việc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng thửa đất và tài sản gắn liền trên đất tại Lô 44 khu Hà Phú, thôn 13, xã Hoà Bình, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng với giá trị 3.406.629.248 VND.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**35. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)**

*Thu nhập Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm toán nội bộ, Kế toán trưởng và Hội đồng Quản trị được hưởng trong năm như sau:*

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
<b>Tiền lương, thưởng</b>	<b>6.357.791.030</b>	<b>5.468.535.349</b>
Đỗ Huy Đạt	905.724.500	1.015.272.692
Lê Hữu Cảnh	1.627.553.200	1.294.215.200
Nguyễn Trung Kiên	236.500.000	215.889.000
Vũ Thị Lương Dung	813.885.400	693.071.172
Tạ Văn Sơn	248.500.000	223.500.000
Nguyễn Văn Thao	864.546.307	628.952.231
Lại Thị Vinh	196.000.000	178.500.000
Nguyễn Thị Thu Hà	602.583.215	478.351.862
Dương Thị Thùy Linh	131.000.000	114.000.000
Mai Thị Thanh Hà	731.498.408	626.783.192
<b>Cổ tức nhận được từ Công ty</b>	<b>11.075.259.500</b>	<b>8.000.548.500</b>
Đỗ Huy Đạt	3.987.040.000	2.870.669.000
Lê Hữu Cảnh	1.992.107.500	1.434.318.000
Nguyễn Trung Kiên	3.992.295.000	2.874.453.000
Vũ Thị Lương Dung	533.350.000	384.012.000
Tạ Văn Sơn	74.115.000	53.363.000
Nguyễn Văn Thao	195.400.000	140.688.000
Lại Thị Vinh	122.180.000	87.971.000
Nguyễn Thị Thu Hà	85.022.000	72.574.500
Mai Thị Thanh Hà	93.750.000	82.500.000

**36. THÔNG TIN BỘ PHẬN**

Hoạt động kinh doanh của Công ty chỉ diễn ra tại khu vực miền Bắc nên Công ty không thực hiện lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

Thông tin bộ phận được trình bày là bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty, bao gồm lĩnh vực kinh doanh cung cấp điện, nước và xây dựng.

Kết quả bộ phận bao gồm các khoản mục phân bổ trực tiếp cho một bộ phận cũng như cho các bộ phận được phân chia theo một cơ sở hợp lý. Các khoản mục không được phân chia bao gồm tài sản và nợ phải trả, doanh thu và chi phí hoạt động tài chính, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp, lợi nhuận khác và thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**36. THÔNG TIN BỘ PHẬN (TIẾP THEO)**

Dưới đây là phân tích doanh thu, giá vốn bán hàng và cung cấp dịch vụ của Công ty theo bộ phận lĩnh vực kinh doanh:

	Lĩnh vực kinh doanh điện	Lĩnh vực kinh doanh nước	Lĩnh vực khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Năm nay</b>				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	781.771.422.033	17.502.684.500	3.208.755.002	802.482.861.535
<b>Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>781.771.422.033</b>	<b>17.502.684.500</b>	<b>3.208.755.002</b>	<b>802.482.861.535</b>
Giá vốn bộ phận	723.126.217.218	10.214.579.582	1.268.728.471	734.609.525.271
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	58.645.204.815	7.288.104.918	1.940.026.531	67.873.336.264
<b>Năm trước</b>				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	640.767.704.922	14.741.749.325	3.166.574.785	658.676.029.032
<b>Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>640.767.704.922</b>	<b>14.741.749.325</b>	<b>3.166.574.785</b>	<b>658.676.029.032</b>
Giá vốn bộ phận	589.402.520.294	10.599.795.355	1.353.631.333	601.355.946.982
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	51.365.184.628	4.141.953.970	1.812.943.452	57.320.082.050

**37. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Tiền chi mua tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang phát sinh trong năm bao gồm 1.117.000.000 VND là số tiền ứng trước cho một số nhà thầu theo các Hợp đồng mua bán tài sản cố định và cung cấp dịch vụ thi công xây dựng. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải thu.

*(Signature)*

**Nguyễn Thị Lý**  
Người lập biểu  
Hải Phòng, ngày 11 tháng 3 năm 2024

*(Signature)*

**Mai Thị Thanh Hà**  
Kế toán trưởng



**Lê Hữu Cảnh**  
Tổng Giám đốc